

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HS-ST
Ngày 08-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thế Khuynh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vi Hồng Nhung,

Ông Chu Văn Tiếp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Đông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2022/TLHS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2022, đối với bị cáo:

Chu Đình K, sinh ngày 25 tháng 4 năm 2001 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Nùng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; con ông: Chu Văn D; con bà Triệu Thị H; vợ: Hoàng Ngọc L; con: Có 01 con (mới sinh); tiền sự: Không có; tiền án: Không; bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/10/2022 đến nay; có mặt.

- Bị hại: Anh Hoàng Công Đ, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Trương Anh T, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Anh Triệu Văn D, sinh năm 1986; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu vay tiền tiêu dùng nên ngày 27/5/2022, anh Hoàng Công Đ liên lạc với Chu Đình K để nhờ làm hồ sơ vay tiền online, K đồng ý và bảo anh Đ chuẩn bị căn cước công dân và 01 (một) sim điện thoại đăng ký chính chủ tên Hoàng Công Đ. Khoảng 17 giờ cùng ngày, sau khi anh Đ làm xong sim điện thoại đăng ký chính chủ, K hẹn anh Đ tại sân bóng thuộc thôn B, xã C, huyện C để làm thủ tục vay tiền. Khi gặp nhau, K sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9 và sim điện thoại số 0396.628.816 của anh Đ để tải ứng dụng Techcombank Mobile của Ngân hàng thương mại cổ phần K (ngân hàng T) về điện thoại, sau đó K chụp ảnh hai mặt căn cước công dân và ảnh chân dung của anh Đ để đăng ký thẻ tín dụng cho anh Đ.

Sau khi đăng ký tài khoản thành công, ngân hàng thông báo thẻ tín dụng của Chu Đình K vừa lập cho anh Đ được cấp hạn mức tiêu dùng là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), lúc này K nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng) trong tài khoản của anh Đ nên nói dối anh Đ chỉ vay được 13.000.000đ (mười ba triệu đồng). Để thực hiện việc chiếm đoạt tiền của Đ, K đã chọn dịch vụ phát hành thẻ tín dụng và chọn nơi nhận thẻ là thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để nhận lấy thẻ tín dụng của anh Đ, đồng thời K nói dối anh Đ là K giữ lại sim điện thoại 0396.626.816 và căn cước công dân của anh Đ để xác nhận từ phía ngân hàng (nhưng thực chất K sẽ dùng sim điện thoại và căn cước công dân của anh Đ để tự đi nhận thẻ, kích hoạt thẻ tín dụng bằng sim điện thoại của anh Đ). Anh Đ đồng ý để K giữ sim điện thoại và căn cước công dân. Sau đó, K đã lắp sim số điện thoại 0396.626.816 của anh Đ vào trong điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen, loại bàn phím đã qua sử dụng, Model: izi 109, số IMEI 1: 355314106534577, số IMEI 2: 355314107540573 của K để nhận thông báo nhận thẻ tín dụng và kích hoạt thẻ. Sáng ngày 29/5/2022, K nhận được điện thoại của Bưu điện huyện C, tỉnh Lạng Sơn gọi đến số điện thoại 0396.626.816 thông báo đến bưu điện nhận thẻ, K đã đến bưu điện và nhận thẻ tín dụng mang tên “HOANG CONG D” do ngân hàng T phát hành cho anh Hoàng Công Đ.

Sau khi nhận được thẻ, Chu Đình K soạn tin nhắn theo tờ hướng dẫn gửi đến số tổng đài (8049) để kích hoạt thẻ tín dụng. Khi đã kích hoạt thẻ thành công, K mang thẻ tín dụng đến cửa hàng A Mobile của anh Trương Anh T để rút tiền trong thẻ của anh Đ. Tại cửa hàng A Mobile, K yêu cầu anh T rút toàn bộ số tiền mà hạn mức thẻ cho phép là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), K đã trả phí rút tiền là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) của mình cho anh T và nhận lấy số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) trong thẻ của anh Đ. Khi rút tiền xong, trên đường về K đã bỏ sim và thẻ tín dụng của anh Đ, sau đó vứt vào thùng rác cạnh đường ở chợ N thuộc khu M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, mục đích để ngân hàng T không liên lạc nhắc nợ với anh Đ và anh Đ không phát hiện được số nợ tín dụng thực tế do không nhận được mã OTP đăng nhập vào ứng dụng T Mobile. Đến ngày 01/6/2022, K đưa căn cước công dân của anh Hoàng

Công Đ cho anh Triệu Văn D (sinh năm 1986, trú tại: Thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn) cầm và nhờ anh D đưa trả lại cho anh Đ.

Ngày 04/6/2022, anh Hoàng Công Đ gọi điện thoại hỏi Chu Đình K về số tiền vay, lúc này do đã tiêu hết số tiền nên K nói với anh Đ do nợ xấu chưa được giải ngân. Đến ngày 08/6/2022 sau khi anh Đ liên lạc nhiều lần hỏi về số tiền vay thì K nhắn tin bảo anh Đ gửi số tài khoản ngân hàng, sau đó K chuyển khoản số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) vào số tài khoản ngân hàng V 102873180549 của anh Đ và nói dối anh Đ do nợ xấu chỉ vay được như vậy. Do nghi ngờ bị lừa, ngày 09/6/2022 anh Hoàng Công Đ làm lại sim điện thoại và đăng nhập vào ứng dụng T Mobile thì thấy tài khoản tín dụng của Hoàng Công Đ đứng tên ghi nợ (âm) 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Sau nhiều lần anh Đ yêu cầu K trả tiền không được, ngày 22/9/2022 anh Hoàng Công Đ đã tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của Chu Đình K đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chi Lăng.

Ngày 22/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chi Lăng tiến hành truy tìm chiếc thẻ tín dụng và sim điện thoại của anh Hoàng Công Đ mà Chu Đình K đã vứt ở thùng rác cạnh đường tại chợ N, thuộc khu M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, kết quả không thu giữ được.

Ngày 04/10/2022, Chu Đình K giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chi Lăng: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen loại bàn phím đã qua sử dụng, Model: izi 109, số IMEI1: 355314106534577, số IMEI 2: 355314107540573, điện thoại không gắn thẻ sim.

Vật chứng thu giữ chưa xử lý: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen loại bàn phím đã qua sử dụng, Model: izi 109, số IMEI1: 355314106534577, số IMEI 2: 355314107540573, điện thoại không gắn thẻ sim.

Về bồi thường thiệt hại: Anh Hoàng Công Đ yêu cầu Chu Đình K trả lại số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) đã chiếm đoạt và bồi thường thêm số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) gồm tiền chi phí đi lại, tiền công nghỉ việc và tiền lãi hàng tháng mà anh Đ phải trả số tiền vay trong thẻ tín dụng ngân hàng T, tổng số tiền là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Ngày 04/11/2022, Chu Đình K đã trả cho anh Hoàng Công Đ số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), các bên không có yêu cầu gì thêm.

Bản Cáo trạng số 46/CT-VKSCL ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng đã truy tố bị cáo Chu Đình K về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Chu Đình K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như bản Cáo trạng đã truy tố. Nguyên nhân bị cáo phạm tội là do bị cáo muốn có tiền chi tiêu cá nhân khi có cơ hội đã nảy lòng tham dẫn tới phạm tội.

Bị hại anh Hoàng Công Đ xác nhận lời trình bày của bị cáo K trước Tòa là đúng, bị cáo đã biết lỗi, bồi thường đầy đủ, anh Đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Anh T đã có lời khai tại cơ quan điều tra: Anh T không biết việc Chu Đình K thực hiện hành vi lừa đảo nên đã thực hiện giao dịch quẹt thẻ và đưa tiền cho Chu Đình K, K đã thanh toán phí dịch vụ nên anh T không có yêu cầu, đề nghị gì. Người làm chứng, anh Triệu Văn D xác nhận là có được cầm giúp anh Hoàng Công Đ thẻ Căn cước công dân nhưng không biết việc lừa đảo của Chu Đình K.

Kết thúc phần xét hỏi Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố đối với bị cáo Chu Đình K, sau khi phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Chu Đình K phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Chu Đình K từ 06 tháng đến 01 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu M, màu đen loại bàn phím đã qua sử dụng, Model: izi 109, số IMEI1: 355314106534577, số IMEI 2: 355314107540573, điện thoại không gắn thẻ sim.

Về phần dân sự: Ghi nhận thỏa thuận về bồi thường thiệt hại giữa bị cáo Chu Đình K và bị hại Hoàng Công Đ.

Những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng bị cáo Chu Đình K xin được giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Anh T vắng mặt, không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án vì trong hồ sơ đã có đủ lời khai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Chu Đình K khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở phần trên, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ. Các chứng cứ đó phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, hành vi thực hiện, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định, cụ thể:

[4] Ngày 27/5/2022, tại thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Chu Đình K đã giúp Hoàng Công Đ làm hồ sơ vay tiền online tại Ngân hàng thương mại cổ phần K Việt Nam (ngân hàng T) với số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Quá trình giúp anh Đ làm các thủ tục vay, K nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền vay của anh Đ nên đã có hành vi gian dối đưa ra các thông tin sai sự thật. Sau khi nhận được số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), K đã chiếm đoạt 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), chỉ chuyển trả cho anh Đ số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

[5] Bị cáo Chu Đình K đã lợi dụng lòng tin của bị hại để thực hiện hành vi gian dối, cung cấp thông tin sai sự thật nhằm mục đích lấy tiền của anh Hoàng Công Đ. Như vậy hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo Chu Đình K đã hoàn thành, tài sản bị xâm phạm có giá trị đến 15.000.000 đồng. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Chu Đình K phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Bị cáo Chu Đình K là người trưởng thành, có đủ khả năng nhận thức được việc xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật. Chỉ vì mục đích tư lợi cá nhân, muốn có tiền ăn tiêu, bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của chủ sở hữu, để thực hiện hành vi lừa đảo lấy tiền tiêu. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, là một trong các quyền quan trọng được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do vậy cần phải xử lý đối với bị cáo bằng pháp luật hình sự, nhằm giáo dục bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[7] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của Bộ luật Hình sự, có cân nhắc đến tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Chu Đình K.

[8] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo đã lợi dụng bị hại tin tưởng giao cho Căn cước công dân và sim điện thoại để giao dịch với ngân hàng để thực hiện tội phạm, chiếm đoạt tài sản. Về nhân thân: Bị cáo Chu Đình

K chưa có tiền án, tiền sự nên bị cáo có nhân thân tốt. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Chu Đình K không có. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tích cực bồi thường, khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại Cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải. Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Xét thấy bị cáo đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đã thực sự ăn năn hối cải. Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, có đủ điều kiện cho hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên việc cách ly bị cáo ra ngoài xã hội là không cần thiết mà để cải tạo tại địa phương cũng đủ để các bị cáo tu dưỡng, rèn luyện bản thân, sớm trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội, biết tôn trọng và tuân thủ pháp luật. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo chưa có thu nhập ổn định, không có khả năng thi hành.

[10] Tại phiên tòa: Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận, tuy nhiên bị cáo đã thực sự hối cải, đủ điều kiện nên cho hưởng án treo. Đề nghị của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có căn cứ. Hội đồng xét xử đã xem xét và chấp nhận

[11] Đối với anh Trương Anh T là người tạo điều kiện cho bị cáo rút tiền nhưng anh T không biết việc bị cáo lừa đảo nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý về hành vi giúp sức là đúng quy định của pháp luật.

[12] Đối với anh Triệu Văn D: Anh D không biết việc Chu Đình K sử dụng Căn cước công dân của anh Hoàng Công Đ vào việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản, không được hưởng lợi, không giúp sức cho K nên không xử lý là đúng quy định.

[13] Về phần dân sự: Trong quá trình điều tra vụ án, bị hại đã nhận đủ 25.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại về tài sản trước khi mở phiên tòa nên Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận bồi thường vì có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[14] Về xử lý vật chứng vụ án: Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu M, màu đen loại bàn phím đã qua sử dụng, vì là công cụ dùng vào việc phạm tội, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[15] Về án phí: Bị cáo Chu Đình K bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm vì chịu án phí là trách nhiệm của người bị kết án theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không phải chịu án phí

dân sự sơ thẩm vì việc thỏa thuận bồi thường đã được thực hiện trước khi mở phiên tòa.

[16] Về quyền kháng cáo: Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 38, 50; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; các Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 6; các khoản 1, 3 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Chu Đình K phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Chu Đình K 06 (sáu) tháng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 08/12/2022.

Giao bị cáo Chu Đình K cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục người bị kết án.

Bị cáo Chu Đình K phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Ghi nhận thỏa thuận về bồi thường thiệt hại giữa bị cáo Chu Đình K với anh Hoàng Công Đ. Anh Hoàng Công Đ đã nhận đủ 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) tiền bồi thường thiệt hại về tài sản bị xâm phạm.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu M, màu đen loại bàn phím đã qua sử dụng, Model: izi 109, số IMEI1: 355314106534577, số IMEI 2: 355314107540573, điện thoại không gắn thẻ sim.

(Vật chứng lưu giữ tại kho Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Công an huyện Chi Lăng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, ngày 25/11/2022).

4. Về án phí: Bị cáo Chu Đình K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), nộp ngân sách Nhà nước.

5. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- CQCSĐT Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- CQTHAHS Công an huyện Chi Lăng, Lạng Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã C, huyện C;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thế Khuynh